

ĐỀ THI THỬ HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2022 – 2023
Thời gian làm bài: 45 phút – không kể thời gian phát đề

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kì thi.....

Bài thi.....Ngày thi...../...../20.....

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1	1. Hội đồng thi:..... 2. Điểm thi:..... 3. Phòng thi số:..... 4. Họ và tên thí sinh:..... 5. Ngày sinh:/...../..... (Nam/ Nữ). 6. Chữ ký của thí sinh:.....
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2	

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
○	○	○	○	○	○	○	○	○	○

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)
1 ○ ○ ○ ○ 2 ○ ○ ○ ○ 3 ○ ○ ○ ○ 4 ○ ○ ○ ○ 5 ○ ○ ○ ○ 6 ○ ○ ○ ○ 7 ○ ○ ○ ○ 8 ○ ○ ○ ○ 9 ○ ○ ○ ○ 10 ○ ○ ○ ○	11 ○ ○ ○ ○ 12 ○ ○ ○ ○ 13 ○ ○ ○ ○ 14 ○ ○ ○ ○ 15 ○ ○ ○ ○ 16 ○ ○ ○ ○ 17 ○ ○ ○ ○ 18 ○ ○ ○ ○ 19 ○ ○ ○ ○ 20 ○ ○ ○ ○	21 ○ ○ ○ ○ 22 ○ ○ ○ ○ 23 ○ ○ ○ ○ 24 ○ ○ ○ ○ 25 ○ ○ ○ ○ 26 ○ ○ ○ ○ 27 ○ ○ ○ ○ 28 ○ ○ ○ ○ 29 ○ ○ ○ ○ 30 ○ ○ ○ ○	31 ○ ○ ○ ○ 32 ○ ○ ○ ○ 33 ○ ○ ○ ○ 34 ○ ○ ○ ○ 35 ○ ○ ○ ○ 36 ○ ○ ○ ○ 37 ○ ○ ○ ○ 38 ○ ○ ○ ○ 39 ○ ○ ○ ○ 40 ○ ○ ○ ○

Cho biết nguyên tử khối:

H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; F = 19; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; Si = 28; P = 31; S = 32; Cl = 35,5;
K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Ni = 58; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; I = 127; Ba = 137

(Học sinh không được sử dụng bất cứ tài liệu nào khác)

Câu 1. Este no, đơn chức, mạch hở $C_4H_8O_2$ có số đồng phân là

- A. 4 B. 5 C. 7 D. 6

Câu 2. Cacbohidrat cho phản ứng thủy phân là

- A. saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ B. saccarozơ, xenlulozơ, glucozơ
C. saccarozơ, glucozơ D. tinh bột, fructozơ

Câu 3. Để biến một số dầu thực vật thành mỡ rắn (hoặc bơ nhân tạo) người ta thực hiện quá trình

- A. xà phòng hoá dầu. B. hidro hoá dầu (xt, t^0).
C. làm lạnh dầu. D. cô cạn dầu ở t^0 cao.

Câu 4. Cho các chất: glixerol, natri axetat, dung dịch glucozơ, ancol metylic, axit axetic, saccarozơ, andehit axetic. Số chất có thể phản ứng với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường là

- A. 3 B. 5 C. 2 D. 4

Câu 5. Trong máu người lượng glucozơ có nồng độ hầu như không đổi là

- A. 1% B. 0,1% C. 0,2% D. 0,01%

Câu 6. Dãy chất được xếp theo chiều nhiệt độ sôi tăng dần là

- A. $\text{HCOOCH}_3 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOH}$ B. $\text{CH}_3\text{COOH} < \text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$
C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOH} < \text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ D. $\text{CH}_3\text{COOH} < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Phản ứng este hóa chính là phản ứng của este với nước trong môi trường axit.
B. Các este đều là chất lỏng, nhẹ hơn nước, rất ít tan trong nước.
C. Chất béo là trieste của glixerol với axit béo.
D. Các este đều có mùi thơm hoa quả nên được ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm và mỹ phẩm.

Câu 8. Phenyl axetat có công thức

- A. $\text{CH}_3\text{COOC}_6\text{H}_5$. B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. HCOOC_6H_5 . D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_6\text{H}_5$.

Câu 9. Etyl axetat tác dụng được với

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ B. CH_3COOH C. KOH D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$

Câu 10. Cho các chất: glucozơ, xenlulozơ, saccarozơ, fructozơ. Số chất tham gia cho phản ứng tráng bạc là

- A. 4 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 11. Cacbohidrat ở dạng polime là

- A. saccarozơ B. fructozơ C. glucozơ D. xenlulozơ

Câu 12. Chất béo $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ có tên là

- A. triolein B. tripanmitoyl glyxerol
C. tripanmitin D. tristearin

Câu 13. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

- A. fructozơ. B. xenlulozơ. C. saccarozơ D. tinh bột.

Câu 14. *Từ glucozơ điều chế polibutadien (cao su buna) theo sơ đồ sau: Glucozơ $\rightarrow$ ancol etylic $\rightarrow$ buta-1,3-đien $\rightarrow$ polibutadien. Hiệu suất quá trình điều chế là 75%, muốn thu được 32,4 kg cao su thì khối lượng glucozơ cần dùng là

- A. 96 kg. B. 81 kg. C. 108 kg. D. 144 kg.

Câu 15. Ở điều kiện thích hợp, hai chất nào sau đây phản ứng với nhau tạo thành metyl axetat?

- A. HCOOH và CH_3OH . B. HCOOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
C. CH_3COOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. CH_3COOH và CH_3OH .

Câu 16. *X là trieste của glixerol và ba axit đơn chức. Đốt cháy a mol X thu được b mol CO_2 và c mol H_2O . Hidro hóa m gam X cần dùng vừa đủ 5,6 lít H_2 (đktc), thu được 32,5 gam Y. Nếu đun m gam X với dung dịch NaOH vừa đủ thu được m_1 gam muối khan. Biết $b - c = 4a$; các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m_1 là

- A. 32,5. B. 35,5. C. 30,0. D. 55,5.

Câu 17. Công thức nào sau đây là công thức của chất béo?

- A. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_2\text{C}_2\text{H}_4$. B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{C}_6\text{H}_5$. C. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOCH}_3$. D. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Tristearin có công thức là $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OCOC}_{17}\text{H}_{35})_3$.
B. Metyl axetat là đồng phân của axit axetic.
C. Poli(metyl metacrylat) được dùng làm thủy tinh hữu cơ.
D. Một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất xà phòng và glixerol.



Câu 19. Tinh bột và xenlulozơ khác nhau về

- A. cấu trúc mạch phân tử. B. sản phẩm của phản ứng thủy phân.
C. thành phần phân tử. D. độ tan trong nước.

Câu 20. Đun nóng dung dịch chứa 27 gam glucozơ với AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , giả sử hiệu suất phản ứng là 75% thì thu được khối lượng bạc kim loại là

- A. 32,4 gam. B. 24,3 gam. C. 21,6 gam. D. 16,2 gam.

Câu 21. Este X có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. Đun nóng 9,0 gam X trong dung dịch NaOH vừa đủ đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam muối. Giá trị của m là

- A. 10,2. B. 12,3. C. 8,2. D. 15,0.

Câu 22. Chất nào sau đây được dùng làm thuốc súng không khói?

- A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OCOCH}_3)_3]_n$. B. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{NO}_2)_3]_n$.
C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{ONO}_2)_3]_n$. D. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{ONO}_3)_3]_n$.

Câu 23. Ứng dụng nào sau đây không phải là ứng dụng của glucozơ?

- A. Làm thực phẩm dinh dưỡng và thuốc tăng lực.
B. Tráng gương, tráng phích.
C. Nguyên liệu sản xuất chất dẻo PVC.
D. Nguyên liệu sản xuất ancol etylic.

Câu 24. Khi nấu chín gạo nếp thường dẻo hơn gạo tẻ do

- A. Thành phần amilozơ trong gạo tẻ cao hơn gạo nếp
B. Thành phần amilopectin trong gạo nếp cao hơn gạo tẻ
C. Thành phần amilozơ trong gạo nếp cao hơn gạo tẻ
D. Thành phần amilopectin trong gạo tẻ cao hơn gạo nếp

Câu 25. Lên men m gam glucozơ với hiệu suất 80%, lượng khí CO_2 sinh ra hấp thụ hết vào dung dịch nước vôi trong, thu được 50 gam kết tủa và dung dịch Y. Để thu được kết tủa tối đa từ Y cần tối thiểu 0,35 mol NaOH. Giá trị của m là

- A. 135 gam B. 270 gam C. 95,625gam D. 191,25 gam

Câu 26. Cho các phát biểu sau

- (1) Trong phản ứng tráng gương, glucozơ bị khử.
(2) Saccarozơ làm mất màu dung dịch brom.
(3) Tinh bột có thể bị thủy phân bởi dung dịch axit hoặc enzym.
(4) Saccrozo khi thủy phân trong môi trường axit thu được một monome duy nhất là glucozơ.
(5) Để hóa rắn chất béo chưa no, ta hiđro hóa chất béo lỏng bởi H_2/Ni , nhiệt độ.
(6) Xenlulozơ có thể tan trong nước Svayde cũng như có thể tan trong ancol etylic.
(7) Có thể nhận biết glucozơ và fructozơ bằng dung dịch brom.

Số phát biểu đúng là:

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 5

Câu 27. Cho 6 gam một este no, đơn chức phản ứng vừa hết với 100 ml dung dịch NaOH 1M. Tên gọi của este đó là

- A. propyl fomat. B. metyl fomat. C. metyl axetat. D. etyl axetat.



Câu 28. Đun nóng hỗn hợp gồm glixerol, axit stearic và axit oleic (có axit H_2SO_4 làm xúc tác) có thể thu được tối đa bao nhiêu loại triglixerit?

- A. 6 B. 8 C. 4 D. 3

Câu 29. Xenlulozơ trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric. Muốn điều chế 11,88 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 90%) thì thể tích dung dịch axit nitric 96% ($D = 1,52 \text{ g/ml}$) cần dùng là

- A. 14,39 lít. B. 17,27 lít. C. 5,76 lít. D. 20,36 lít.

Câu 30. Nhóm gluxit đều tham gia phản ứng thủy phân là

- A. Glucozơ, tinh bột, xenlulozơ. B. Saccarozơ, xenlulozơ, tinh bột.
C. Saccarozơ, etanol, tinh bột. D. Saccarozơ, fructozơ, xenlulozơ.

Câu 31. Lên men m gam glucozơ để tạo thành ancol etylic (hiệu suất phản ứng bằng 90%). Hấp thụ hoàn toàn lượng khí CO_2 sinh ra vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 15 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 7,5. B. 15,0. C. 45,0. D. 18,5.

Câu 32. *X là một axit cacboxylic, Y là một este 2 chức, mạch hở (được tạo ra khi cho X tác dụng với ancol đơn chức Z). Cho 0,2 mol hỗn hợp gồm X và Y phản ứng hoàn toàn với dd $KHCO_3$ lấy dư, thu được 0,11 mol CO_2 . Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp trên, thu được 0,69 mol CO_2 và m gam H_2O . Giá trị gần đúng của m là

- A. 8,86 B. 10,68 C. 14,35 D. 6,21

Câu 33. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3OOCCH_2CH_3$. Tên gọi của X là

- A. etyl axetat. B. metyl axetat. C. metyl propionat. D. propyl axetat.

Câu 34. Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic với hiệu suất 75%. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra được hấp thụ hết vào dung dịch $Ca(OH)_2$ (lấy dư), tạo ra 60 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 108. B. 54. C. 72. D. 96.

Câu 35. Este $CH_3COOCH_2CH_3$ có tên gọi là

- A. metyl propionat. B. vinyl axetat. C. etyl axetat. D. metyl acrylat.

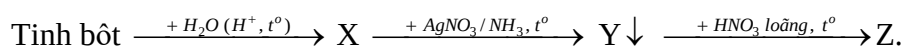
Câu 36. Saccarozơ phản ứng với

- A. dung dịch $AgNO_3/NH_3$, t° . B. nước brom.
C. $Cu(OH)_2/OH^-$, nhiệt độ thường. D. H_2 (Ni, t°).

Câu 37. Chất nào sau đây là monosaccarit?

- A. Glucozơ. B. Tinh bột. C. Xenlulozơ. D. Saccarozơ.

Câu 38. Cho sơ đồ phản ứng:



Biết Z có phân tử khối lớn hơn 100 đvC. Công thức của Z là

- A. $C_6H_{12}O_7$. B. NH_4NO_3 . C. NO. D. $AgNO_3$.

Câu 39. Để xà phòng hóa hoàn toàn 100 gam dầu dừa (coi rằng chỉ chứa chất béo) cần dùng vừa đủ 18 gam NaOH. Khối lượng xà phòng thu được là

- A. 97,3 gam. B. 109,9 gam. C. 118 gam. D. 104,2 gam.

Câu 40. Thể tích khí CO_2 (đktc) sinh ra khi lên men 27 gam glucozơ ($H = 75\%$) là

- A. 6,72 lít. B. 8,96 lít. C. 2,52 lít. D. 5,04 lít.